

Chính sách Dân tộc

&

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

TỈNH ĐẮK LẮK SAU 7 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 (GIAI ĐOẠN 1999-2005)

1. Tình hình chung của tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk gồm 12 huyện và 1 thành phố (Buôn Ma Thuột), có tổng số 175 xã phường, thị trấn, với 2.263 thôn bản. Theo thống kê năm 2006, Đắk Lắk có 38 xã đặc biệt khó khăn, trong đó 94 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I và II. Diện tích tự nhiên của toàn tỉnh là 13.085 ha (chiếm 24% diện tích vùng Tây Nguyên), dân số tính đến thời điểm cuối tháng 12 năm 2005 là trên 1,7 triệu người (chiếm 36,3% dân số vùng Tây Nguyên). Mật độ dân số bình quân toàn tỉnh là 131 người/km². Toàn tỉnh có 43 dân tộc, đây là một trong những tỉnh có số lượng dân tộc đông nhất nước, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) có khoảng 97.893 hộ với 540.365 khẩu (chiếm 31,97% tổng số dân của tỉnh). Những dân tộc thiểu số có số dân đông là Ê-đê, Mnông, Ra-rai, Nùng, Tày, Thái, Dao, Mường. Một số dân tộc có dân số ít hơn 100 người gồm Cơ-ho, X'tiêng, Phù Lá, Kơ-mú, Mạ, Giáy, La Hủ, Lự, Chứt... Ngoài ra, hằng năm số lượng dân di cư tự do từ các tỉnh khác trong cả nước đến sinh sống và lập nghiệp khoảng 40.775 hộ với 218.352 khẩu¹.

Từ trước năm 1999, cùng với cả nước, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan, chủ quan tác động nên phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số

vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn gặp nhiều khó khăn cả về đời sống vật chất và tinh thần. Số hộ đói và nghèo trong tỉnh còn chiếm tỷ lệ cao (trên 60%), cá biệt ở một số xã tỷ lệ hộ đói, nghèo chiếm từ 80% đến 90% (xã Yang Mao huyện Krông Bông; xã Nam Ka và xã Ea R'bin huyện Lắk).

Trong khi đó, đội ngũ cán bộ công tác trong vùng dân tộc và cán bộ dân tộc thiểu số của tỉnh vừa thiếu về số lượng, vừa hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng được yêu cầu về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới.

Với những khó khăn nêu trên, tỉnh Đắk Lắk quyết tâm thực hiện tốt Chương trình 135 với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, chậm phát triển, hoà nhập vào sự phát triển chung của cả nước và góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng...

2. Tình hình kinh tế-xã hội tỉnh Đắk Lắk sau 7 năm triển khai, thực hiện Chương trình 135 (giai đoạn 1999 - 2005)

Tỉnh Đắk Lắk có 38 xã, thuộc 12 huyện được đầu tư Chương trình 135, hàng năm ngân sách Trung ương đầu tư bình quân 500 triệu đồng/xã. Những thành tựu cơ bản của Chương trình 135 sau 7 năm thực hiện đã thể hiện ở hầu hết các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đời sống, văn hoá - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn trong tỉnh.

Về kinh tế

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn với tổng số công trình đã được đầu tư xây dựng tại 38 xã là 267 công trình, tổng số vốn đầu tư là 90.268,418 triệu đồng, bao gồm: đường giao thông nông thôn (109 công trình, vốn đầu tư 44.875,046 triệu đồng, chiếm 49,7%); trường học (94 công trình, vốn đầu tư 28.192,340 triệu đồng, chiếm 31,2%); thuỷ lợi (27 công trình, vốn đầu tư 8.339,625 triệu đồng, chiếm 9,2%); điện sinh hoạt (18 công trình, vốn đầu tư 5.429,787 triệu đồng, chiếm 6,0%); nhà chợ (7

¹ Báo cáo tổng kết của Ủy ban Nhân dân tỉnh và Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2006 của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk.

công trình, vốn đầu tư 1.692,718 triệu đồng, chiếm 1,9%); khai hoang đất sản xuất (300 ha, vốn đầu tư 923,195 triệu đồng, chiếm 1%); nước sinh hoạt (7 công trình, vốn đầu tư 720,229 triệu đồng); nhà văn hoá cộng đồng (1 công trình, vốn đầu tư 94 triệu đồng); các công trình khác được đầu tư 908,925 triệu đồng. Hầu hết các công trình đã phát huy được tác dụng, mang lại hiệu quả thiết thực, phục vụ cho nhu cầu đi lại, học hành, sản xuất, đời sống sinh hoạt của đồng bào các dân tộc trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn. Những công trình này cũng tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, thu hẹp dần chênh lệch đời sống giữa vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng với các vùng gần trung tâm thị trấn, thị tứ, từng bước hoà nhập với sự phát triển chung. Toàn tỉnh đã xây dựng được 13 trung tâm cụm xã, bước đầu hình thành các chợ nông thôn, miền núi vùng đồng bào dân tộc phục vụ cho việc trao đổi hàng hoá, tiêu thụ sản phẩm trong vùng.

Công tác xoá đói giảm nghèo đã thu được những kết quả đáng kể, cụ thể là: năm 2001, số hộ nghèo toàn tỉnh là 94.477 hộ (chiếm 25,5%) trong đó hộ nghèo dân tộc tại chỗ là 29.184 hộ và hộ nghèo dân tộc thiểu số khác là 14.466 hộ. Đến cuối năm 2004, số hộ đói nghèo toàn tỉnh còn 36.213 hộ (chiếm 11% số hộ toàn tỉnh), trong đó hộ dân tộc tại chỗ là 14.428 hộ và hộ dân tộc thiểu số khác là 5.071 hộ. Năm 2005 số hộ nghèo của tỉnh là 90.247 hộ (chiếm 27,55% số hộ trên địa bàn). Theo rà soát hộ nghèo năm 2006 của tỉnh thì tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 25,05%, giảm 2,5% so với năm 2005. Bình quân mỗi năm số hộ nghèo giảm từ 3,5% đến 4%.

Công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ giống, phân bón... được đầu tư đến từng hộ bằng nhiều hình thức, bằng nhiều nguồn vốn, tạo cơ hội cho hàng ngàn hộ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn có điều kiện thoát nghèo, đời sống kinh tế ngày càng được nâng cao.

Về văn hoá – xã hội

Công tác giáo dục: Hàng trăm công trình trường học được xây dựng với 515 phòng học

các loại, tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa có điều kiện học tập tốt hơn. Cho đến nay, trong toàn tỉnh có 13 huyện, thành phố đã có trường Dân tộc nội trú. Số lượng học sinh dân tộc thiểu số đến trường ngày càng tăng (168.000 em học sinh dân tộc thiểu số, chiếm 31,6% tổng số học sinh toàn tỉnh). Các chính sách, chế độ cho con em học sinh dân tộc thiểu số và học sinh dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ cử tuyển đã được các cấp, các ngành thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

Công tác y tế: Đến nay, Đắk Lắk đã có 165 xã/175 xã có trạm y tế xã, hơn 80% số xã có bác sỹ. Các thôn/buôn đều có nhân viên y tế và công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân ngày càng tốt hơn. Các chính sách về y tế đã được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Nhiều phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư xây dựng khang trang, tạo điều kiện giảm tải tuyến trên và kiểm soát được một số dịch bệnh hiểm nghèo.

Công tác văn hoá: Sóng phát thanh và truyền hình đã phủ khắp các xã trong tỉnh, 97% số xã đã có điểm bưu điện văn hoá xã. Chủ trương xây dựng nhà văn hoá cộng đồng các dân tộc được các cấp, ban ngành quan tâm thực hiện đã tạo điều kiện cho bà con có nơi sinh hoạt lễ hội, giao lưu văn hoá.

Công tác cán bộ: Việc bồi dưỡng và nâng cao năng lực nhận thức cho đội ngũ cán bộ xã và thôn/buôn về trình độ quản lý kinh tế, xã hội được thực hiện tốt. Đội ngũ này đã phát huy vai trò của họ, góp phần ổn định hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Từ những kết quả đạt được trong 7 năm qua, có thể thấy, kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Đắk Lắk đã có bước phát triển mạnh, tỷ lệ nghèo đói giảm nhanh, rút ngắn được khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng trong tỉnh, góp phần thực hiện công bằng xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc vào chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Lê Mùi